

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HC-PT

Ngày 25 – 3 – 2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 668/2020/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 959/2020/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2021/QĐ-PT ngày 6 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lâm Khiết N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 50/9 đường H, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc D, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nhà 010 (Tầng 1), chung cư B, đường Đ, phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục thuế T.

Địa chỉ: Số 63 đường V, phường A, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Xuân B - Công chức phòng kiểm tra nội bộ, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chi cục trưởng Chi cục thuế Q.

Địa chỉ: Số 1079 đường P, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế Q: Bà Đào Thị Tuyết H – Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế Q (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục thuế Q: Ông Nguyễn Văn D - Đội trưởng Đội kiểm tra số 1 Chi cục Thuế Q và bà Nguyễn Ý Hoàng H - Đội trưởng Đội trước bạ Chi cục Thuế Q (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục thuế Q;

Địa chỉ: Số 1079 đường P, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang T – Chi cục trưởng (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Ông Lương Thiệu T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 48 Langtree Cré, Crace 2911 ACT Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Thiệu T: Bà Lâm Khiết N, sinh năm 1963 (Giấy ủy quyền được chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Australia, số chứng nhận 415 ngày 06/5/2020).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lâm Khiết N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Lâm Khiết N và người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày:

Nhà đất số 79/26/2 đường P, Phường 16, Quận 8 có diện tích 378,7m² do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7977627430 ngày 21/11/2007 cho ông Lương Thiệu T và bà Lâm Khiết N. Ông T và bà N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 493/2005/QĐHNGĐ-ST ngày 27/10/2005 của Tòa án nhân dân Quận 11. Hiện nay, ông T đã định cư tại Úc. Nhà đất nêu trên vẫn đứng tên ông T và bà N.

Ngày 21/3/2008, Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB đối với khu đất nêu trên với số tiền phải nộp là 237.048.300 đồng. Ngày 14/4/2008, ông Lương Thiệu T và bà Lâm Khiết N có làm đơn ghi nợ tiền sử dụng đất.

Chi cục Thuế Q đã ban hành Phiếu báo ghi nợ tiền sử dụng đất phải nộp số 709/CCT-Tr.Bạ với số tiền là 237.048.300 đồng. Bà N đã ký tên và chốt số nợ trên. Khi ban hành Thông báo này Chi cục Thuế Q không kèm theo Nghị định nào cả. Bà N ghi nợ trong vòng 5 năm kể từ năm 2008 đến năm 2013. Đến năm 2012 bà N có đến Chi cục Thuế Q để thanh toán số tiền nợ nhưng Chi cục Thuế Q có Công văn số 6660/CCT-Tr.Bạ ngày 03/5/2012 trả lời hồ sơ chưa giải quyết được và nói bà N về nhà đợi. Sau đó, bà N nhiều lần liên hệ Chi cục Thuế

Q và Cục thuế Thành phố về việc trả nợ tiền sử dụng đất nhưng không được giải quyết. Bà N không biết và không nhận được Thông báo số 211/CCT-Q8 ngày 08/01/2016 của Chi cục Thuế Quận 8 về việc trả nợ tiền sử dụng đất vì thời điểm đó bà N đang lao động ở nước ngoài, còn ông T đã định cư tại Úc từ năm 2010.

Năm 2018, bà Lâm Khiết N tiếp tục đến Chi cục Thuế Q về việc trả nợ tiền sử dụng đất. Ngày 10/12/2018, Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TC-CCT (thay thế Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB ngày 21/3/2008) với số tiền phải nộp là 1.391.273.800 đồng. Không đồng ý với số Thông báo số 1768/TC-CCT ngày 10/12/2018, bà N khiếu nại đến Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q.

Ngày 07/3/2019, Chi cục Thuế Q ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 729/QĐ-CCT không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Lâm Khiết N. Giữ nguyên nội dung theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB ngày 10/12/2018 với số tiền phải nộp là 1.391.273.800 đồng.

Ngày 13/9/2019, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 44/QĐ-CT-KN, không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Lâm Khiết N.

Việc ban hành Quyết định số 729/QĐ-CCT và Quyết định số 44/QĐ-CT-KN nêu trên là không đúng quy định pháp luật vì lý do: Thời điểm bà N ghi nợ tiền sử dụng đất là trước ngày có Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Số tiền thuế bà N phải nộp không đúng với số tiền bà N đã ghi nợ năm 2008. Năm 2012 bà N có đến để thanh toán tiền nợ nhưng không được giải quyết và Chi cục Thuế Q có nói bà N về nhà chờ thông báo. Sau đó, nhiều lần bà N yêu cầu được trả nợ tiền sử dụng đất nhưng không được giải quyết. Như vậy, việc bà N không đóng tiền nợ sử dụng đất là do Chi cục Thuế Q, không phải do bà N không nộp. Hiện nay, bà N vẫn chưa nộp tiền sử dụng đất.

Do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 729/QĐ-CCT ngày 07/3/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q và Quyết định số 44/QĐ-CT-KN ngày 13/9/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N kiến nghị được đóng lãi suất số tiền nợ đã quá hạn từ năm 2016 cho đến nay theo lãi suất ngân hàng. Bà cam kết thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất đối với nhà đất tại số 79/26/2 đường P, Phường 16, Quận 8 thay cho ông Lương Thiệu T và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Sau khi nhận được đơn của bà Lâm Khiết N khiếu nại Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 729/QĐ-CCT ngày 07/3/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh, diễn biến sự việc như sau:

Ngày 21/11/2007, ông Lương Thiệu T và bà Lâm Khiết N được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7977627430 đối với nhà đất số 79/26/2 đường P, Phường 16, Quận 8; diện tích 378,7m².

Ngày 21/3/2008, Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB đối với khu đất 79/26/2 đường P, Phường 16, Quận 8 với số tiền phải nộp là 237.048.300 đồng.

Ngày 14/4/2008, ông Lương Thiệu T và bà Lâm Khiết N có làm đơn ghi nợ tiền sử dụng đất đối với khu đất nêu trên.

Ngày 22/4/2008, Chi cục Thuế Q có Phiếu báo ghi nợ tiền sử dụng đất phải nộp số 709/CCT-Tr.Bạ đối với khu đất nêu trên với số tiền sử dụng đất phải nộp là 237.048.300 đồng. Nội dung Thông báo có thể hiện *“Căn cứ theo Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCN quyền sử dụng đất. Khi thanh toán nợ, người sử dụng đất phải trả theo giá đất tại thời điểm trả nợ và được xóa nợ tiền sử dụng đất đã ghi trên Giấy chứng nhận”*. Bà Lâm Khiết N đã ký tên vào Thông báo này ngày 22/4/2008.

Ngày 15/5/2008, Ủy ban nhân dân Quận 8 cập nhật nội dung “Nợ tiền sử dụng đất” trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7977627430.

Ngày 26/4/2012, ông Lương Thiệu T có đến Chi cục Thuế Q để thanh toán nợ tiền sử dụng đất nhưng vào thời điểm năm 2012, Chi cục Thuế Q có Công văn số 6660/CCT-Tr.Bạ ngày 03/5/2012 trả lời cho ông Lương Thiệu T về hồ sơ chưa giải quyết được. Trong công văn nêu rõ: *“Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì nay được áp dụng thanh toán nợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011”*.

Ngày 08/01/2016, Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo số 211/CCT-Q8 về việc trả nợ tiền sử dụng đất gửi ông Lương Thiệu T theo địa chỉ thường trú, nhưng ông bà không đến thanh toán.

Ngày 08/11/2018, bà Lâm Khiết N có giấy đề nghị thanh toán nghĩa vụ tài chính. Do hồ sơ của ông bà ghi nợ tiền sử dụng đất đã quá hạn thanh toán nên phải nộp tiền sử dụng đất tại thời điểm trả nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ngày 10/12/2018, Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TC-CCT (thay thế Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB ngày 21/3/2008) với số tiền phải nộp là 1.391.273.800 đồng.

Ngày 20/12/2018, bà Lâm Khiết N gửi đơn xin cứu xét về việc trả nợ tiền sử dụng đất. Ngày 27/12/2018, Chi cục Thuế Q có công văn số 5623/CCT-TB trả lời đơn xin cứu xét của bà Lâm Khiết N, trong đó giải thích rõ cách xác định tiền sử dụng đất phải nộp và đề nghị ông Lương Thiệu T - bà Lâm Khiết N thực hiện theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB ngày 10/12/2018.

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Căn cứ Khoản 8 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/3/2011).

Căn cứ điểm 1.5.2 Khoản 1 Điều 1, Khoản 2, 3 Điều 8 Thông tư 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 (có hiệu lực từ ngày 15/8/2011) của Bộ Tài chính quy định về xử lý tồn tại về nợ tiền sử dụng đất.

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 64/2011/QĐ-UBND ngày 15/10/2011 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Công văn số 5148/CT-KTTĐ ngày 02/7/2014 của Cục Thuế về việc xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất theo Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Căn cứ Khoản 3, 8 Điều 7, Khoản 3 Điều 8 Luật Quản lý thuế năm 2006, được sửa đổi bởi Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

Theo các quy định trên, tại thời điểm bà Lâm Khiết N đến Chi cục Thuế Q để thanh toán tiền sử dụng đất còn nợ (ngày 26/4/2012, không có văn bản đề nghị thanh toán nợ) thì Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Thông tư 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 đều đã có hiệu lực thi hành. Do đó vào năm 2012, căn cứ theo các quy định theo 2 văn bản này, bà Lâm Khiết N được thanh toán nợ tiền sử dụng đất theo Thông tư 93/2011/TT-BTC. Chi cục Thuế Q có trách nhiệm phải giải quyết theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, tại thời điểm bà N đến thanh toán nợ đúng hạn thì Chi cục Thuế Q có Công văn số 6660/CCR-Trbà ngày 03/5/2012 trả lời với nội dung chưa thể xác định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng tính số tiền sử dụng đất trả nợ theo Thông tư 93/2011/TT-BTC, do đó ông Lương Thiệu T – bà Lâm Khiết N chưa thể thanh toán khoản nợ tiền sử dụng đất được. Trong công văn nêu rõ: *“Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì nay được áp dụng thanh toán nợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011”*. Như vậy, thay vì phải nộp tiền sử dụng đất còn nợ vào thời điểm 15/5/2013 (05 năm kể từ ngày 15/5/2008) thì áp dụng theo Khoản 3 Điều 8 Thông tư 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính, ông Lương Thiệu T – bà Lâm Khiết N được gia hạn thời gian ghi nợ, phải nộp tiền sử dụng đất vào thời điểm trước ngày 01/3/2016 (5 năm kể từ ngày 01/3/2011). Ngày 08/01/2016, Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo số 211/CCT-Q8 về việc trả nợ tiền sử dụng đất gửi ông Lương Thiệu T (địa chỉ 50/9 Đường H, Phường 10, Quận 5) ghi số tiền sử dụng đất phải nộp là 237.048.300 đồng nhưng ông bà không đến thanh toán.

Ngày 08/11/2018, bà Lâm Khiết N đến Chi cục Thuế Q làm giấy đề nghị thanh toán nghĩa vụ tài chính số tiền 237.048.300 đồng. Do hồ sơ của bà ghi nợ tiền sử dụng đất đã quá hạn thanh toán nên phải nộp tiền sử dụng đất tại thời điểm trả nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB-CCT ngày 10/12/2018 (thay thế Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB ngày 21/3/2008) với số tiền phải nộp là 1.391.273.800 đồng. Theo giải trình của bà Lâm Khiết N, bà và ông Lương Thiệu T đã được Tòa án nhân dân Quận 11 ra Quyết định giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 27/10/2005. Về tài sản chung do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quyền sử dụng đất đối với căn nhà tại 79/26/2 đường P, Phường 16, Quận 8 vẫn mang tên bà N và ông T. Tại thời điểm này, ông T đã xuất cảnh và định cư tại Úc năm 2010, còn bà N lao động hợp tác nước ngoài vào năm 2016 nên không biết, không nhận được Thông báo 211/CCT-Q8, căn nhà 50/9 Đường H đóng cửa, không có người ở. Căn cứ theo hồ sơ, tài liệu mà bà Lâm Khiết N cung cấp cho Cục Thuế, Hộ chiếu của bà Lâm Khiết N số N1265224 thể hiện dấu xuất cảnh tại sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 13/01/2016 (05 ngày sau khi Thông báo 211/CCT-Q8 ngày 08/01/2016 được ban hành), cơ quan thuế không đủ chức năng, quyền hạn để xác định trong thời gian này bà Lâm Khiết N đang ở đâu và có nhận được Thông báo 211/CCT-Q8 hay không.

Ngày 10/4/2019, bà Lâm Khiết N có Giấy cam kết gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, cam kết về việc sự việc là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày 05/7/2019, bà Lâm Khiết N cung cấp cho cơ quan thuế Giấy ủy quyền của ông Lương Thiệu T về việc ủy quyền cho bà Lâm Khiết N được liên hệ để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với căn nhà tại địa chỉ 79/26/2 đường P, Phường 16, Quận 8. Giấy ủy quyền trên được chứng nhận tại Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Úc (Thủ đô Canberra) vào ngày 24/6/2019.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật, trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất thì người ghi nợ có trách nhiệm thanh toán đúng hạn, cơ quan thuế không ban hành văn bản nhắc nhở việc thanh toán nợ. Vào ngày 08/01/2016 (trước khi hết hạn ghi nợ vào ngày 01/3/2016), Chi cục Thuế Q ban hành Thông báo số 211/CCT-Q8 về việc trả nợ tiền sử dụng đất gửi ông Lương Thiệu T xác định số tiền sử dụng đất phải nộp là 237.048.300 đồng. Như vậy, Chi cục Thuế Q đã có nhắc nhở bằng văn bản về trường hợp này, số tiền phải nộp không thay đổi so với khi ghi nợ, cũng không áp dụng thêm hệ số điều chỉnh giá đất, Chi cục Thuế Q đã thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 5148/CT-KTTĐ ngày 02/7/2014 của Cục Thuế về việc xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất theo Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Năm 2018, bà Lâm Khiết N đã đến Chi cục Thuế Q để thanh toán nghĩa vụ tài chính nhưng do quá thời hạn ghi nợ, Chi cục Thuế Q buộc phải tiến hành xác định lại số tiền sử dụng đất tại thời điểm trả nợ theo các quy định pháp luật với số tiền là 1.391.273.800 đồng.

Từ các căn cứ trên, đơn khiếu nại của bà Lâm Khiết N là không đủ căn cứ để xem xét, việc Cục trưởng Cục Thuế Thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 44/QĐ-CT-KN ngày 13/9/2019, không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Lâm Khiết N là đúng với các quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Khiết N đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 44/QĐ-CT-KN ngày 13/9/2019 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện - Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q do bà Đào Thị Tuyết Hồng là người được ủy quyền trình bày:

Ngày 06/3/2008, bà Lâm Khiết N nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế Q, căn nhà số 79/26/2 P, Phường 16, Quận 8. Ngày 21/3/2008, Chi cục Thuế phát hành thông báo tiền sử dụng đất phải nộp số tiền: 237.048.300 đồng. Ngày 14/4/2008, ông bà Lâm Khiết N có đơn ghi nợ tiền sử dụng đất.

Ngày 22/4/2008, Chi cục Thuế phát hành Phiếu báo số 709/CCT-Tr.bạ về việc ghi nợ tiền sử dụng đất phải nộp đối với căn nhà nêu trên. Số tiền sử dụng đất được ghi nợ là 237.048.300 đồng. Trên Phiếu báo có ghi chú: Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, khi thanh toán nợ người sử dụng đất phải trả theo giá đất tại thời điểm trả nợ và được xóa “nợ tiền sử dụng đất” trên giấy chứng nhận.

Ngày 26/4/2012, bà Lâm Khiết N có đến Chi cục Thuế Q đề nghị thanh toán nợ nhưng không có làm đơn đề nghị trả nợ tiền sử dụng đất. Tại thời điểm năm 2012 đối với hồ sơ ghi nợ theo Nghị định 84/2007/NĐ-CP thì được áp dụng thanh toán nợ theo quy định tại Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài Chính, tuy nhiên đơn giá tính tiền sử dụng đất đối với diện tích đất vượt hạn mức chưa có hệ số k do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành nên chưa tính tiền sử dụng đất được. Ngày 03/5/2012, Chi cục Thuế đã có Công văn số 6660/CCT-Trba trả lời cho bà Lâm Khiết N biết, trong công văn có nêu: “Căn cứ Khoản 3 Điều 8 Thông tư 93/2011/TT-BTC Căn cứ Điều 2 Điều 1 Quyết định số 64/2011/QĐ-UBND ngày 15/10/2011 của Ủy ban Nhân dân Thành phố: “...Đối với phần diện tích vượt hạn mức lớn hơn 50% hạn mức giao đất ở mới giao Ủy ban nhân dân Quận – huyện thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường. Sau khi có chứng thư thẩm định giá Ủy ban Nhân dân Quận – huyện tổ chức nghiệm thu chứng thư và có văn bản báo cáo Sở Tài chính thẩm định lại trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.”. Trong công văn cũng nêu rõ: “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì nay được áp dụng thanh toán nợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 01/3/2011”;

Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ và Thông tư 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính, không có quy định: cơ quan Thuế lập thông báo đơn đốc việc đến hạn thanh toán gửi đến người nộp thuế. Tuy nhiên, đề đốc thu các khoản ghi nợ tiền sử dụng đất kịp

thời vào ngân sách nhà nước, Chi cục Thuế Q đã gửi thông báo số 211/CCT-Q8 về việc trả nợ Tiền sử dụng đất gửi đến ông (bà) Lương Thiệu T - Lâm Khiết N theo đường bưu điện đến địa chỉ thường trú của ông bà, nhưng ông bà không đến làm thủ tục thanh toán nghĩa vụ tài chính.

Ngày 08/11/2018, bà Lâm Khiết N đến Chi cục Thuế có giấy đề nghị thanh toán nghĩa vụ tài chính.

Do hồ sơ của ông bà ghi nợ tiền sử dụng đất đã quá hạn thanh toán nên ông bà phải nộp tiền sử dụng đất tại thời điểm trả nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Chương II Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 10/12/2018, Chi cục Thuế đã phát hành Thông báo nộp Tiền sử dụng đất (thay thế Thông báo số 1768/TB ngày 21/3/2008) với số tiền phải nộp là 1.391.273.800 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi một triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm đồng).

Ngày 20/12/2018, Chi cục Thuế có nhận đơn xin cứu xét về việc trả nợ tiền sử dụng đất của bà Lâm Khiết N đối với căn nhà số 79/26/2 P, Phường 16, Quận 8.

Ngày 27/12/2018, Chi cục Thuế đã có Công văn số 5623/CCT-TB về việc trả lời đơn cứu xét tiền sử dụng đất của bà Lâm Khiết N.

Ngày 03/01/2019, bà Lâm Khiết N có đơn khiếu nại Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB-CCT ngày 10/12/2018 của Chi cục Thuế Q.

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về việc ghi nợ tiền sử dụng đất: khi thanh toán nợ người sử dụng đất phải trả theo giá đất tại thời điểm trả nợ và được xóa “nợ tiền sử dụng đất” trên giấy chứng nhận;

Căn cứ Khoản 8 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ: Đối với trường hợp đã được ghi nợ tiền sử dụng đất trước ngày 01/3/2011 mà chưa thanh toán nợ thì nay được áp dụng quy định về thanh toán nợ tại Nghị định này; trong thời hạn tối đa là 5 năm kể từ ngày 01/3/2011, người sử dụng đất được thanh toán nợ tiền sử dụng đất theo giá đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau 5 năm mà chưa trả hết nợ tiền sử dụng đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm trả nợ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 16 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất; được cấp Giấy chứng nhận phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định này và hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất tái định cư mà có khó khăn về tài chính, có nguyện vọng ghi nợ thì được ghi nợ số tiền sử dụng đất phải nộp trên Giấy chứng nhận sau khi có đơn đề nghị kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận hoặc hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất hoặc hồ sơ giao đất tái định cư hoặc có đơn xin ghi nợ khi nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất. Người sử dụng đất được trả nợ dần trong thời

hạn tối đa là 5 năm; sau 5 năm kể từ ngày ghi nợ mà chưa trả hết nợ tiền sử dụng đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất còn lại theo giá đất tại thời điểm trả nợ. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thanh toán nợ trước hạn thì được hỗ trợ giảm trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp theo mức hỗ trợ là 2%/năm của thời hạn trả nợ trước hạn và tính trên số tiền sử dụng đất trả nợ trước hạn.

Căn cứ Thông tư 76//2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Tại khoản 2, điều 12 về việc thanh toán nợ tiền sử dụng đất: Trường hợp sau 5 năm kể từ ngày ghi nợ trên Giấy chứng nhận, hộ gia đình, cá nhân mới thanh toán nợ hoặc trong thời hạn 5 năm mà chưa thanh toán hết nợ thì số tiền sử dụng đất còn nợ đối với từng loại diện tích trong hạn mức và ngoài hạn mức được quy đổi ra tỷ lệ (%) chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính và hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền sử dụng đất với phần diện tích này như sau: Tiền sử dụng đất phải nộp bằng (=) tiền sử dụng đất còn nợ chia (:) cho tổng số tiền sử dụng đất được tính theo giá đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận nhân (x) với tiền sử dụng đất xác định lại theo giá đất tại thời điểm trả nợ.

Căn cứ Công văn số 2021/CNQ8-ĐK ngày 05/12/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh Quận 8 về việc xác định vị trí đất để tính tiền sử dụng đất, xác định căn nhà trên thuộc vị trí 2 tuyến đường Bến P.

Căn cứ Quyết định 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì đơn giá tiền sử dụng đất đường P với vị trí 2: $6.200.000đ * 0.7/m^2$.

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 2 Quyết định 09/2018/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban Nhân dân Thành phố thì diện tích đất ngoài hạn mức giao đất ở áp dụng cho năm 2018, hệ số $k = 1.1$

Số Tiền sử dụng đất phải nộp:

Trong hạn mức: $160m^2 * (6.200.000đ * 0.7) * 50\% = 347.200.000$ đồng

Ngoài hạn mức: $218.7m^2 * (6.200.000đ * 0.7 * 1.1) * 100\% = 1.044.073.800$ đồng

Tổng cộng: $1.391.273.800$ đồng

Tính đến nay bà Lâm Khiết N vẫn chưa nộp số tiền nêu trên.

Từ những căn cứ trên, Chi cục Thuế Q ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 729/QĐ-CCT ngày 07/3/2019: Không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Lâm Khiết N đề ngày 03/01/2019. Giữ nguyên nội dung theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB ngày 10/12/2018 với số tiền phải nộp là 1.391.273.800 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thuế Q trình bày: Tại Văn bản trình bày ý kiến số 761/CCT-KT1 ngày 29/4/2020 Chi cục Thuế Q thống nhất với nội dung trình bày của người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Thiệu T do bà Lâm Khiết N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thông nhất với ý kiến trình bày của người khởi kiện và không trình bày ý kiến nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 959/2020/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ Điều 30, Khoản 3 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006, được sửa đổi bởi Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Khiết N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 729/QĐ-CCT ngày 07/3/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lâm Khiết N (lần đầu) và Quyết định số 44/QĐ-CT-KN ngày 13/9/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Lâm Khiết N (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/7/2020, người khởi kiện bà Lâm Khiết N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 29/01/2021, ông Ngô Quốc D là người được bà N ủy quyền có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện với lý do qua đối thoại người khởi kiện và những người bị kiện đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Ngô Quốc D là người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Khiết N có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung xin rút yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cung cấp văn bản số 2623/CTTPHCM ngày 23/3/2021 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và văn bản số 988/CCTQ8-TB ngày 24/3/2021 của Chi cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện Lâm Khiết N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện và sự đồng ý của người bị kiện là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì thế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện, hủy bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và người đại diện theo pháp luật của Chi cục Thuế Q, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 07/3/2019 Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q ban hành Quyết định số 729/QĐ-CCT “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lâm Khiết N (Lần đầu)” (gọi là Quyết định số 729/QĐ-CCT). Nội dung khiếu nại Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1768/TB-CCT ngày 10/12/2018 của Chi cục Thuế Q. Ngày 13/9/2019 Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 44/QĐ-CT-KN “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lâm Khiết N (lần 2)” (gọi là Quyết định số 44/QĐ-CT-KN). Các quyết định trên ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Lâm Khiết N nên bà N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 117 Luật quản lý thuế. Yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Khiết N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/9/2019 Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 44/QĐ-CT-KN. Ngày 18/9/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà Lâm Khiết N khởi kiện Quyết định số 44/QĐ-CT-KN và Quyết định số 729/QĐ-CCT. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, yêu cầu của bà Lâm Khiết N còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện: Quyết định số 729/QĐ-CCT được ban hành bởi Chi cục trưởng Chi cục Thuế Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011. Quyết định số 44/QĐ-CT-KN được ban hành bởi Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật khiếu nại năm 2011.

[5] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Lâm Khiết N được nộp trong thời hạn luật định, đúng về hình thức và đủ về nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tuy nhiên, ngày 29 tháng 01 năm 2021 ông Ngô Quốc D là người được bà N ủy quyền có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện với lý do đã thỏa thuận được với bên bị kiện về giải quyết vụ án.

Xét thấy, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện và được sự đồng ý của người bị kiện. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của các bên đương sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của bà Lâm Khiết N do ông Ngô Quốc D là đại diện theo ủy quyền.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án hành chính sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án nên bà Lâm Khiết N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng và 150.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241; điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 959/2020/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lâm Khiết N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0024675 ngày 08/10/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lâm Khiết N phải chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0092286 ngày 14/8/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền tạm ứng còn lại 150.000 đồng trả lại cho bà Lâm Khiết N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Đường sự; (5)
- Lưu VT (6), HS (2) T.18 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long